

Bản án số: **16** /2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-5-2020

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thúy Nặng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Công Thắng  
Ông Nguyễn Phi Hùng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thùy Trang-Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 38/2020/TB-TA ngày 22 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q), sinh năm: 1957.

Địa chỉ: Số A W. P. S Livingston TX, Hoa Kỳ (có đơn xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2020 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Quang T, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2008, tại UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Thị trấn Lăng Cô- Phú Lộc-Thừa Thiên Huế. Hai vợ chồng sống chung khoảng 01 tháng, ông T quay về Mỹ, kể từ thời gian đó chúng tôi không gặp lại nhau. Năm 2019, tôi đã liên lạc với ông T. Vì khoảng cách địa lý quá xa cũng như 10

năm không tin tức, không liên lạc nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Nguyễn Quang T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 27/10/2008. Ly hôn, tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung.

*Tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 10/02/2020 có chứng nhận Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas, Hoa Kỳ, bị đơn ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với bà Phan Thị Ngọc L.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 27/10/2008. Ly hôn tôi đồng ý giao con cho bà L nuôi và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Tôi xác định không có. Hiện nay tôi đang làm việc ở Hoa Kỳ nên không thể về Việt Nam để giải quyết ly hôn được. Tôi đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt và rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc L. Địa chỉ: Số A, đường B, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q). Địa chỉ: Số A W. P. S Livingston TX, Hoa Kỳ, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn - bà Phan Thị Ngọc L và bị đơn - ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q), theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn ông Nguyễn Quang T theo đường dịch vụ bưu chính. Ngày 10/02/2020, ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q) có văn bản trình bày xin xét xử ly hôn vắng mặt, đồng thời yêu cầu rút ngắn thời gian giải quyết vụ án và được Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại Houston, Texas, Hoa Kỳ chứng nhận ngày 10/02/2020. Vì vậy, HĐXX áp dụng điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Ngọc L và ông Nguyễn Quang T, có đăng ký kết hôn ngày 28/01/2008 (Vào sổ đăng ký kết hôn số 34; Quyền số 01 ngày 29/01/2008), tại UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L, do hai vợ chồng sống chung khoản 01 tháng, sau đó ông T quay về Mỹ, kể từ thời gian đó không gặp lại nhau vì khoảng cách địa lý quá xa cũng như 10 năm không tin tức, không liên lạc, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên vọng của bà L xin được ly hôn với ông T .

HĐXX xét thấy, sau khi kết hôn bà L và ông T chỉ chung sống được với nhau khoảng 01 tháng, sau đó ông T quay về Mỹ sinh sống cho đến nay, còn bà L vẫn sống ở Việt Nam, mỗi người sống mỗi nơi. Bản thân ông T cũng yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn. Xét thấy: Hôn nhân giữa bà L và ông T chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T xác định có 01 con chung: Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 27/10/2008. Ly hôn, bà L và ông T thống nhất giao con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, hiện nay cháu Nguyễn Ngọc Minh A đang ở với bà L, nguyện vọng của cháu A được ở với bà L. Xét sự thỏa thuận về việc nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung giữa ông T và bà L là tự nguyện, không trái luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu A , nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T xác định không có, nên HĐXX không đề cập đến.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 469, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 122, 123 và 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “ Ly hôn, nuôi con chung” của bà Phan Thị Ngọc L đối với ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q).

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị Ngọc L đối với ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q).

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung: Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 27/10/2008 cho bà Phan Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q) không cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002561 ngày 21/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Thị Ngọc L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc L được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Quang T (Nguyễn Tung Q) vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Thúy Năng**